

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2017
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Xuân Luyện và bà Phạm Thị Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1963;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Thôn NT, xã TB, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2017, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam năm 1982. Quá trình chung sống ông bà sống hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên những năm gần đây ông L tính tình thay đổi, nóng nảy, khi không vừa lòng là chửi bới, đánh đập bà nhiều lần dù không có chuyện gì. Có lần bà bị ông L cầm dao đánh đuổi đe dọa, chính quyền địa phương đã can thiệp giải quyết nhưng ông L vẫn không thay đổi. Lần gần đây vào 27/5/2017 ông L đánh bà phải đi băng bó điều trị vết thương ở tay. Để được an toàn cho bản thân, hiện bà phải xa

lánh không dám về nhà mà ở nhờ nhà anh chị em tránh tiếp xúc với ông L, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà nhiều lần được chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng tình ông L vẫn không thuyên giảm mà ngày một nóng nảy hơn. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 - sinh năm 1983, hiện cháu đã lập gia đình riêng và sống tự lập, cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 02/10/1985, hiện cháu đang bị bệnh trầm cảm phải điều trị thường xuyên, hiện chưa thể sống tự lập được. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu T2 đến khi bệnh tình của cháu bình phục có thể sống tự lập được. Bà không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Bà xác định vợ chồng tự phân chia giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản tự khai ngày 06/6/2017, biên bản hòa giải tại Tòa án và trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của hai vợ chồng ông nhất trí với phần trình bày của bà T. Ông L xác định sau khi kết hôn về cơ bản vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh do các con của ông bà bị bệnh, con lớn bị bệnh phải điều trị ở nhiều bệnh viện khác nhau vào năm 2005, sau đó đến cháu thứ hai khi đang học đại học thì bị bệnh trầm cảm khiến kinh tế gia đình giảm sút, vợ chồng vất vả lo tiền chi để cho con điều trị bệnh. Hiện cháu thứ hai bị bệnh trầm cảm chưa ổn định. Khi cháu lớn trưởng thành xây dựng gia đình yên ổn cuộc sống chưa được bao lâu thì có va chạm mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, bà T ương ngạnh, cố chấp, không khuyên bảo các con còn gây thêm mâu thuẫn. Ông đã nhiều lần nói bà T nhưng bà không nghe, ông có nóng lên đánh bà T khoảng 05 (năm) đến 06 (sáu) lần, cầm dao dọa chém bà T khoảng một hai lần thì bà T bỏ đi đến nay không rõ đi đâu. Việc ông sử dụng dao với mục đích chỉ để dọa chứ rất thương vợ con. Nay bà T đã có đơn xin ly hôn đối với ông, ông có quan điểm không nhất trí ly hôn vì vợ chồng tuổi đã cao và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy chăm sóc con chung.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 - sinh năm 1983, hiện cháu đã sống tự lập được và cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 02/10/1985, hiện cháu đang bị bệnh trầm cảm, chưa thể sống tự lập được. Trường hợp giải quyết ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu T2 đến khi bệnh tình của cháu bình phục có thể sống tự lập được. Ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 02/10/1985 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi bệnh tình của cháu T2 bình phục có khả năng lao động tự lập được. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn NT, xã TB, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành chưa nghiêm, mặc dù có tham gia các hoạt động tố tụng, thừa nhận nội dung trình bày nhưng không ký vào các biên bản tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc. Trong thời gian gần đây ông L, bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông L tính tình nóng nảy, thiếu kiềm chế cảm xúc, nhiều lần đánh đập bà T, thậm chí ông L còn dùng dao đe dọa bà T, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của bà T. Mâu thuẫn giữa ông bà đã được đoàn thể, chính quyền địa phương khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Qua xác minh tại địa phương thấy mâu thuẫn giữa ông L, bà T xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, việc ông L nhiều lần đánh

đập bà T là có thật. Thực tế ông bà đã sống ly thân, bản thân ông L không còn tôn trọng bà T, luôn hành hạ, đánh đập, ngược đãi, xúc phạm bà T, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong bà T. Tại phiên tòa ông L không nhất trí ly hôn, mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, song ông L không đưa ra được giải pháp giải quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn là giải pháp để bà T thoát khỏi hành vi bạo lực từ phía ông L. Vì vậy cần xử lý hôn giữa bà T và ông L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy yêu cầu của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông L, bà T có 02 (hai) con chung: Cháu lớn là Nguyễn Anh T1 - sinh năm 1983, hiện cháu có khả năng lao động và sống tự lập được, cháu thứ hai là Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 02/10/1985, hiện cháu đang bị bệnh trầm cảm, không có khả năng lao động, sống phụ thuộc vào bố mẹ, hiện tại cháu T2 đang ở với ông L. Khi ly hôn cả ông L và bà T đều tha thiết đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu T2, nguyện vọng của cháu T2 trong quá trình giải quyết vụ án là muốn được ở với ông L. Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu T2 cho ông L hay bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu bình phục sức khỏe có khả năng lao động sống tự lập được đều đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu T2, song cháu T2 đang ở ổn định với ông L, bản thân cháu T2 cũng có nguyện vọng được ở với ông L. Do vậy cần giao cháu T2 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Bà T, ông L đều xác định tự giải quyết phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Xử **ly hôn** giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 02/10/1985 cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu T2 bình phục sức khỏe có khả năng lao động tự lập cuộc sống. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ. Đối trừ số tiền bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 04198 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- THADS huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã TB;
- Công TTĐT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Xuyên